

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **92/2020/HS-ST**

Ngày: 22 - 9 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Gia và ông Nguyễn Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Năng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Sơn Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, Tòa án nhân dân huyện Tân Phú mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 97/2020/TLST-HS ngày 08 tháng 9 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 106/2020/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2020, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị T, sinh năm 1980, tại Đồng Nai; nơi cư trú: Khu x, thị trấn T P, huyện T P, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1928 (đã chết) và bà Võ Thị C, sinh năm 1933 (đã chết); chung sống như vợ chồng với: Đỗ Thành T, sinh năm 1976; có 04 con, lớn nhất sinh năm 1998 và nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không. Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/06/2020 đến nay. Bị cáo có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chè Cún Sầu, sinh năm 1991, địa chỉ: Ấp y, xã P T, huyện Đ Q, tỉnh Đồng Nai;

- Người làm chứng: Châu Thái S, sinh năm 1991, địa chỉ: Khu z, thị trấn T P, huyện T P, tỉnh Đồng Nai;

(Tại phiên tòa: Bị cáo có mặt; anh S và anh S1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị T là đối tượng nghiện ma túy. Ngày 01/6/2020, T gọi điện cho đối tượng tên Th ở huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai (nhưng không rõ họ tên, địa chỉ) mua 04 tép ma túy đá với giá là 400.000 đồng. Sau khi nhận được ma túy, T cất giấu trong người, mang theo dụng cụ sử dụng ma túy và điều khiển xe đến nhà Châu Thái S, sinh năm 1991, địa chỉ: Khu 9, thị trấn T P, huyện T P, tỉnh Đồng Nai, cũng là đối tượng nghiện ma túy chơi. Khi đến gặp S, T nói có đồ (ma túy)

nhưng không lấy ra cho S xem và rủ S cùng sử dụng. Lúc đó, S nói muốn mua 350.000 đồng ma túy của T thì T rủ S đi đến quán cà phê Giăng Mi thuộc Khu F, thị trấn T P, huyện T P để sử dụng ma túy luôn. Trên đường đi, T và S bị Công an thị trấn T P, huyện T P dừng xe, kiểm tra phát hiện và thu giữ: Trên tay phải của T 04 gói nylon hàn kín, bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy (được niêm phong, ký hiệu: M), 01 bình tự chế sử dụng ma túy đá, 01 điện thoại di động màu đen hiệu Nokia 105 trên tay trái của T và 01 xe mô tô hiệu Wave S màu đỏ, đen biển số 60B4-224.34. Toàn bộ hồ sơ, tài liệu, mẫu vật thu giữ và đối tượng Nguyễn Thị T được bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Tân Phú xử lý. Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Tân Phú tiến hành trưng cầu giám định mẫu vật được niêm phong, ký hiệu M:

Tại Bản kết luận giám định số: 1155/KLGD-CP09 ngày 10/06/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự – Công an tỉnh Đồng Nai, kết luận: Mẫu tinh thể màu trắng được niêm phong, ký hiệu M là ma túy, có khối lượng: 0,2455 gam, loại: Methamphetamine. Số lượng ma túy còn lại sau giám định có khối lượng: 0,2240 gam.

Cáo trạng số: 95/CT-VKSTP-ĐN ngày 04/09/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, truy tố bị cáo T, về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày ý kiến luận tội như sau:

Hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ quản lý mặt hàng cấm của Nhà nước; Cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật nên giữ nguyên quyết định truy tố; cần phải có mức án phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự tuyên phạt bị cáo: Nguyễn Thị T mức án tù 01 (một) 06 (sáu) tháng tù đến 02 (hai) năm tù.

Về xử lý vật chứng:

Đề nghị tịch thu phát mãi sung công 01 điện thoại hiệu Nokia 105 màu đen của Nguyễn Thị T là công cụ thực hiện việc phạm tội;

Đề nghị tịch thu tiêu hủy: Số ma túy còn lại sau giám định có khối lượng có khối lượng: 0,2240 gam là chất cấm lưu hành và 01 (một) bình thủy tinh tự chế là phương tiện để sử dụng ma túy do không có giá trị sử dụng.

Đối với 01 xe mô tô hiệu Wave S màu đỏ, đen biển số 60B4-224.34 do T mượn của anh Chè Cún Sầu nhưng anh S1 không biết T sử dụng vào việc phạm tội nên đã trả cho chủ sở hữu là đúng pháp luật.

Đối với đối tượng tên Th (là người bán ma túy cho bị cáo) hiện chưa xác định được họ tên, địa chỉ nên khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nội dung lời khai của những người tham gia tố tụng trong hồ sơ vụ án:

- Lời trình bày ý kiến, tranh luận của bị cáo: Bị cáo thừa nhận nội dung của Bản cáo trạng là đúng sự thật, bị cáo không có ý kiến tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Lời trình bày của Châu Thái S: Anh là người nghiện ma túy. Chiều ngày 01/06/2020, bị cáo đến nhà anh chơi và nói có ma túy. Anh hỏi bị cáo có bao nhiêu thì bị cáo nói có 400.000 đồng nên anh nói muốn mua lại 350.000 đồng thì bị cáo

nói đến quán cà phê sử dụng luôn. Trên đường đi đến quán cà phê thì bị công an bắt giữ. Anh không biết bị cáo mang theo ma túy ở trong người.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa, bị cáo không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác. Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1.] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến khiếu nại về hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2.] Về trách nhiệm hình sự:

[2.1] Xét về hành vi phạm tội:

Khoảng 15 giờ 15 phút, ngày 01/6/2020, trên đường Nguyễn Hữu Cánh thuộc Khu 3, thị trấn T P, huyện T P, tỉnh Đồng Nai, Công an thị trấn T P, huyện T P đã bắt giữ Nguyễn Thị T có hành vi cất giấu 0,2455 gam ma túy, loại: Methamphetamine mua của một đối tượng tên Thanh (không rõ nhân thân, địa chỉ) để sử dụng.

Hành vi mà bị cáo đã thực hiện có đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” được quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

[2.2] Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình để nhận biết được hành vi vi phạm pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm chế độ quản lý mặt hàng cấm của Nhà nước mà còn gây tác hại lớn đối với sức khỏe và nhân cách của con người, làm thiệt hại kinh tế của gia đình cũng như xã hội và là một trong những nguyên nhân nảy sinh của các loại tội phạm khác; gây hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến trật tự, trị an tại địa phương. Vì vậy, buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự là cần thiết, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm mà bị cáo đã gây ra nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[2.3] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[2.4] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; cha mẹ của bị cáo là người có công với cách mạng được tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhất là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử cần xem xét mà giảm nhẹ một phần cho mức hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Tòa án mở phiên tòa công khai xét xử vụ án để xử lý hành vi phạm tội của bị cáo và để tuyên truyền, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật của công dân, góp phần phục vụ công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm trong xã hội.

[3] Về xử lý vật chứng của vụ án: Số ma túy còn lại sau giám định có khối lượng: 0,2240 gam là chất cấm lưu hành và 01 (một) bình thủy tinh tự chế là tang vật liên quan đến việc phạm tội do không có giá trị sử dụng nên cần tịch tiêu hủy là đúng pháp luật.

Đối với 01 điện thoại hiệu Nokia 105 màu đen là công cụ dùng vào việc phạm tội nên tịch thu phát mãi sung công quỹ nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự 2015.

Đối với 01 xe mô tô biển số 60B4-224.34 đã trao trả cho chủ sở hữu là đúng pháp luật.

[4] Đối với các vấn đề khác:

Đối với Châu Thái S không biết bị cáo tàng trữ trái phép chất ma túy trong người nên không xử lý.

Đối với đối tượng bán ma túy cho bị cáo tên Thanh hiện chưa điều tra làm rõ được họ tên, địa chỉ. Khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

[5] Về án phí: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 33, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị T 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/6/2020.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự 2015;

Tịch thu phát mãi sung vào công quỹ nhà nước 01 điện thoại hiệu Nokia 105 màu đen là công cụ dùng vào việc phạm tội.

Tịch thu tiêu hủy: Số lượng ma túy còn lại sau giám định là 0,2240 gam là chất cấm lưu hành và 01 (một) bình thủy tinh tự chế là tang vật liên quan đến việc phạm tội do không có giá trị sử dụng.

Tịch thu phát mãi sung vào công quỹ nhà nước: 01 (một) điện thoại Nokia màu đen là công cụ dùng vào việc phạm tội.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/9/2020 giữa Công an huyện Tân Phú và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai).

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 292; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh S1 có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Tân Phú;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Công an huyện Tân Phú;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ THA, Lưu HS, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Nam